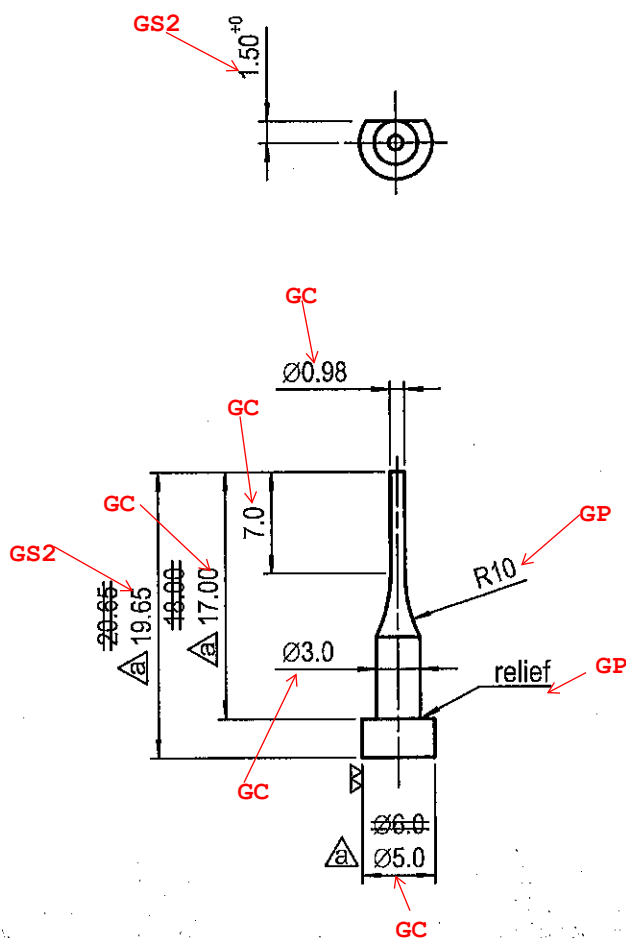


MV

2212123

REV	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init	2018/07/06	新規設計		Chen_Jing_Fu	Chen_Jing_Fu	Chang_Fu_Rung	0.0000	±0.002	0.000 +0	+0
A	2018/06/13	組立容易, 部品破損防止(同現物)		Chen_Jing_Fu	Chen_Jing_Fu	Chang_Fu_Rung	0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005
							0.00	±0.01	0.00 +0	-0
							0.0	±0.1	0.00 -0	+0
							0.	±0.2	0.0 +0	-0.1
									0.0 -0	+0.1
										-0
							TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
							FINISH MARKS			
							(∇) ∇ G			

GS1 cắt phôi Ø5.3*35



CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Chang_Fu_Rung	SKS304		部品図	ノックアウト
DSGND.	SURFACE	SCALE	PART DRAWING	KNOCK OUT
Chen_Jing_Fu		2:1	PART DRAWING	击出脱模具
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DATE	DWG.No.
Chen_Jing_Fu	HRC 58 ~ 60	A4	2018/07/06	R171296

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

414 112 0170

SNO: **R171296**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKH51 Ø5.3*40	GS1:15 GC:30 GP:30 GS2:30 KT